

MỘT SỐ NÉT CHÍNH VỀ QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG TVAM

Ngày 09/12/2016, SGDCK TP.HCM đã cấp Quyết định niêm yết số 489/QĐ-SGDHCM chấp thuận cho Quỹ Đầu tư Tăng trưởng TVAM với tên viết tắt: TVGF (mã chứng khoán là FUCTVGF1) được niêm yết trên SGDCK TP.HCM. Theo kế hoạch, chứng chỉ quỹ TVGF sẽ chính thức giao dịch ngày 22/12/2016. Để giúp quý độc giả có thêm thông tin, SGDCK TP.HCM xin giới thiệu một số nét chính của Quỹ TVGF.

1. Giới thiệu về Quỹ TVGF:

Quỹ TVGF được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 110/GCN-UBCK ngày 29/12/2015 và Tổng vốn huy động được là 150 tỷ đồng tương ứng với 15.000.000 đơn vị quỹ. Ngày 20/05/2016, Quỹ TVGF được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ đại chúng số 21/GCN-UBCK với thời hạn hoạt động của Quỹ là 05 năm. Vào ngày 09/12/2016, SGDCK TP.HCM đã cấp Quyết định niêm yết số 489/QĐ-SGDHCM cho phép chứng chỉ quỹ TVGF niêm yết trên SGDCK TP.HCM với nội dung:

Tên Quỹ: Quỹ đầu tư Tăng trưởng TVAM

Tên tiếng Anh: TVAM Growth Fund.

Tên viết tắt: TVGF.

Loại chứng khoán: Chứng chỉ quỹ

Loại hình quỹ: Quỹ đại chúng dạng đóng

Mã chứng khoán: FUCTVGF1

Thời hạn hoạt động của quỹ: 05 (năm) năm

Số lượng chứng chỉ quỹ đăng ký niêm yết: **15.000.000 chứng chỉ quỹ** (Mười lăm triệu chứng chỉ quỹ)

Vốn điều lệ thực góp của Quỹ: **150.000.000.000 đồng** (Một trăm năm mươi tỷ đồng)

Tên Công ty Quản lý Quỹ: Công ty cổ phần Quản lý quỹ Thiên Việt

Tên tiếng Anh: Thiên Việt Assets Management Joint Stock Company

Tên viết tắt: TVAM.

Địa chỉ: Lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, 63A Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. HCM

Điện thoại: 08.6299 2090

Fax: 08.6299 2103

Website: www.tvam.vn

Tên ngân hàng giám sát: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành

2. Tính chất và thời gian hoạt động của Quỹ:

TVGF là một quỹ đại chúng dạng đóng có thời hạn hoạt động là 5 (năm) năm kể từ ngày 20/05/2016, là ngày có hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ. Trong suốt thời gian hoạt động, Công ty quản lý quỹ không có trách nhiệm mua lại chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư. Đại hội Nhà đầu tư được quyết định giải thể quỹ trước hạn. Thời hạn hoạt động của Quỹ có thể được gia hạn thêm phụ thuộc vào đề nghị của Công ty quản lý quỹ và sự chấp thuận của Đại hội Nhà đầu tư và UBCKNN.

3. Mục tiêu đầu tư của Quỹ

Mục tiêu của Quỹ là tìm kiếm sự gia tăng giá trị tài sản bằng cách đầu tư cổ phần vào các doanh nghiệp

có liên quan đến thị trường Việt Nam, bao gồm các công ty trong nước và ngoài nước hoạt động tại Việt Nam và có doanh thu tại thị trường Việt Nam. Cụ thể, Quỹ dự định đầu tư vào cổ phiếu niêm yết và đăng ký giao dịch niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán của Việt Nam, cũng như cổ phiếu chưa niêm yết và phân vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn. Quỹ dự định phát triển một danh mục đầu tư đa dạng và cân bằng để có thể đạt được lợi nhuận trên mức trung bình ở mức rủi ro có thể chấp nhận được.

4. Chiến lược đầu tư

Tìm kiếm những cơ hội đầu tư độc quyền

Quỹ sẽ tận dụng lợi thế của đội ngũ quản lý nội địa gồm Hội đồng đầu tư và Giám đốc đầu tư với nhiều mối quan hệ và kinh nghiệm thực tế để tìm kiếm những cơ hội đầu tư độc quyền. Đây là một lợi thế cạnh tranh lớn mà hầu hết các nhà quản lý quỹ đầu tư tại Việt Nam thường xuyên phải đối mặt do gặp những rào cản lớn bao gồm ngôn ngữ, phong tục địa phương, và hạn chế giới hạn đầu tư hợp pháp.

Đầu tư vào những doanh nghiệp mục tiêu

Quỹ tìm cách đầu tư vào các doanh nghiệp có đội ngũ quản lý mạnh với bề dày kinh nghiệm thị trường, tài chính minh bạch và lành mạnh, mô hình kinh doanh có tiềm năng tăng trưởng cao, sản phẩm hoặc dịch vụ khác biệt, lợi thế cạnh tranh cao, thị phần đáng kể, và một chiến lược thoái vốn rõ ràng cho các nhà đầu tư.

Tập trung vào những danh mục tài sản chính

Quỹ sẽ tập trung đầu tư chủ yếu vào cổ phiếu doanh nghiệp niêm yết.

5. Lĩnh vực ngành nghề dự định đầu tư:

- Quỹ đầu tư vào các lĩnh vực, ngành nghề mà pháp luật không cấm;
- Các lĩnh vực đầu tư cụ thể: Quỹ sẽ tìm cách phát triển một danh mục đầu tư đa dạng và cân bằng, tập trung vào các ngành có tiềm năng tăng trưởng cao hoặc trong lĩnh vực có tính phòng thủ bao gồm nhưng không giới hạn như sau:
 - Dược phẩm & Chăm sóc sức khỏe
 - Nông nghiệp
 - Thủy sản
 - Bất động sản & cơ sở hạ tầng
 - Dịch vụ xây dựng
 - Vật liệu xây dựng
 - Hàng tiêu dùng
 - Dịch vụ tài chính (bảo hiểm, chứng khoán....)
 - Năng lượng
 - Công nghiệp
 - Giao thông vận tải & kho vận hậu cần
 - Công nghệ thông tin/Viễn thông
 - Ngân hàng

6. Tài sản được phép đầu tư: Quỹ được phép đầu tư vào các tài sản tài chính sau đây tại Việt Nam:

- Gửi tiền tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
- Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định trong lĩnh vực ngân hàng;
- Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;

- Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao chứng khoán của Việt Nam;
- Cổ phiếu chưa niêm yết, cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch của công ty đại chúng; trái phiếu chưa niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; cổ phiếu của công ty cổ phần, phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn;
- Chứng khoán phái sinh và các chứng khoán khác theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

7. Cơ cấu đầu tư:

TVGF sẽ đầu tư vào các tài sản quỹ được phép đầu tư với cơ cấu danh mục chính là chứng khoán. Tỷ trọng từng loại tài sản trong danh mục sẽ tùy thuộc vào diễn biến kinh tế vĩ mô, thị trường chứng khoán từng thời kỳ.

8. Các hạn chế đầu tư của quỹ:

Quỹ sẽ áp dụng các hạn chế về đầu tư dưới đây theo quy định tại Khoản 4 Điều 9 Thông tư 224/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ đóng và quỹ thành viên:

- Không đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười lăm phần trăm (15%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;
- Không đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các loại chứng khoán, tiền gửi ngân hàng, công cụ thị trường tiền tệ được phát hành bởi cùng một tổ chức, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;
- Không đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các loại chứng khoán, tiền gửi ngân hàng, công cụ thị trường tiền tệ mà phát hành bởi một tổ chức hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau;
- Không đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào bất động sản và các tài sản là cổ phiếu chưa niêm yết, cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch của công ty đại chúng; trái phiếu chưa niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn;
- Không được sử dụng vốn và tài sản của quỹ để cho vay, bảo lãnh cho các khoản vay, trừ trường hợp đầu tư tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng; không được sử dụng tài sản của quỹ để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán), bán khống (cho vay chứng khoán để bán);
- Không đầu tư vào chứng chỉ của chính Quỹ mình, đầu tư vào các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam.

9. Phương pháp lựa chọn đầu tư của quỹ:

Những khoản đầu tư đáp ứng được điều kiện của Quỹ sẽ được xem là khoản đầu tư mục tiêu và sau đó sẽ được nghiên cứu chuyên sâu với những yếu tố sau:

- Phân tích các yếu tố kinh tế và xã hội có thể ảnh hưởng đến lợi nhuận và tỷ lệ lợi nhuận của những công ty mục tiêu;
- Đánh giá thị trường hoạt động chủ yếu của công ty mục tiêu;
- Nghiên cứu, đánh giá đội ngũ quản lý của công ty mục tiêu;

- Phân tích các kế hoạch kinh doanh và kết quả hoạt động kinh doanh trong quá khứ của công ty mục tiêu, bao gồm đánh giá về sản phẩm, sự khác biệt, đối thủ cạnh tranh, và mô hình hoạt động kinh doanh;
- So sánh với các đối thủ trong ngành ở trong và ngoài nước về mặt định giá và tỷ lệ lợi nhuận;
- Đánh giá các yếu tố pháp lý, luật và thuế;
- Phân tích SWOT về công ty.
- Xác định các yếu tố rủi ro cụ thể và cách khắc phục hoặc giảm thiểu rủi ro đó;
- Xây dựng một chiến lược thoái vốn và thời gian để thoái vốn thành công.

10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:

Khoản 6 Điều 3 của Điều lệ Quỹ, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa đối với chứng chỉ quỹ là 49% vốn điều lệ Quỹ.

11. Một số rủi ro:

Ngoài một số rủi ro hệ thống như rủi ro thị trường, lãi suất, lạm phát và pháp lý; rủi ro xung đột lợi ích, rủi ro giảm sút giá trị tài sản ròng (NAV) của quỹ và rủi ro về cơ sở dữ liệu là ba loại rủi ro lớn ảnh hưởng đến hoạt động đầu tư của Quỹ như sau:

- Rủi ro xung đột lợi ích: Là rủi ro phát sinh từ những xung đột lợi ích giữa các Quỹ mà Công ty quản lý quỹ hiện đang quản lý hoặc các quỹ với chính Công ty quản lý quỹ hoặc giữa Quỹ và các sản phẩm tài chính khác của Công ty quản lý quỹ. Các xung đột này có thể dẫn đến sự có lợi hay bất lợi đối với mỗi một Quỹ. Để giảm thiểu những xung đột này, mỗi một quỹ được quản lý bởi Công ty quản lý quỹ sẽ có nhân sự phụ trách kèm theo chế độ theo dõi hạch toán riêng và được giám sát chặt chẽ bởi Ban đại diện quỹ cũng như Ngân hàng giám sát của từng quỹ. Ngoài ra, Công ty quản lý quỹ còn có Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm kiểm soát chặt chẽ việc tuân thủ luật lệ của Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát chịu trách nhiệm giám sát hoạt động của Quỹ và Công ty quản lý quỹ trong việc quản lý Quỹ.
- Rủi ro giảm sút giá trị tài sản ròng (NAV) của quỹ: Rủi ro này phát sinh chủ yếu do sự giảm giá của các loại cổ phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán mà Quỹ đang đầu tư. Khi đó, NAV của Quỹ sẽ bị giảm sút và ảnh hưởng trực tiếp đến thị giá của chứng chỉ quỹ trên thị trường. Rủi ro này được giảm thiểu với cơ chế chốt lỗ cho từng cổ phiếu khi giá chạm ngưỡng chốt lỗ trước khi thị trường giảm quá sâu.
- Rủi ro về cơ sở dữ liệu: Do thị trường chứng khoán Việt Nam chỉ mới có hơn 10 năm lịch sử nên dữ liệu về những chu kỳ kinh tế ảnh hưởng đến thị trường chứng khoán chưa đầy đủ. Đây là rủi ro mang tính hệ thống nằm ngoài khả năng kiểm soát của công ty quản lý quỹ. Quỹ xây dựng mô hình phân tích để ra quyết định đầu tư dựa trên cơ sở dữ liệu dài nhất có thể từ bộ dữ liệu này. Rủi ro thiếu cơ sở dữ liệu được Quỹ giảm thiểu thông qua việc phân tách cơ sở dữ liệu thành các chu kỳ nhỏ để kiểm tra khả năng thích ứng của mô hình. Ngoài ra, Quỹ cũng chỉ sử dụng dữ liệu từ các nguồn thông tin chính thống và từ cơ quan nhà nước, các ban ngành, từ doanh nghiệp và các tổ chức đáng tin cậy, độc lập và uy tín khác.